

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục giằng co trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,584.95 điểm, tăng nhẹ hơn 3 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 10/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Dầu khí dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Hàng & dịch vụ công nghiệp. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX, UPCOM và mua ròng trên sàn HNX. Cây nến rút chân hôm nay tiếp tục cho thấy lực bắt đáy khá tốt quanh ngưỡng 1,565. Xu hướng giằng co trong vùng 1,580 – 1,585 có thể sẽ tiếp diễn trong ngắn hạn để củng cố một nền giá vững chắc.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 08/08/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+3.14** điểm, đóng cửa tại **1584.95** điểm. HNX-Index **+1.60** điểm, đóng cửa tại **272.46** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+1.84)**, **VPB (+1.13)**, **GEE (+0.74)**, **GEX (+0.62)**, **GAS (+0.61)**.
- Kéo chỉ số giảm: **BID (-1.20)**, **TCB (-0.89)**, **HPG (-0.88)**, **VJC (-0.75)**, **GVR (-0.46)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **47,965** tỷ đồng, tăng **15.30%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 49,233 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 27.07 điểm. Thị trường có **177** mã tăng, 51 mã tham chiếu, **155** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-842.00** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **BID (-216.05 tỷ)**, **SSI (-204.54 tỷ)**, **HPG (-150.27 tỷ)**, **FPT (-134.25 tỷ)**, **VCB (-105.94 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **54.02** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.76%**. Các mã diễn biến tích cực:
PVS (+8.96%) [\(Link báo cáo\)](#)
PDR (+6.77%) [\(Link báo cáo\)](#)
KDH (+6.02%)
- BSC50 **+0.46%**. Các mã diễn biến tích cực:
PVD (+6.98%) [\(Link báo cáo\)](#)
DPM (+6.97%) [\(Link báo cáo\)](#)
GEX (+4.87%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.76%	0.46%	0.20%	-0.33%
1 tuần	6.05%	4.52%	6.00%	7.12%
1 tháng	7.61%	14.08%	10.73%	12.04%
3 tháng	25.34%	29.45%	25.07%	27.87%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,584.95	272.46	108.54
% 1D	0.20%	0.59%	0.57%
GTKL (tỷ VND)	47,965	5,093	1,475
%1D	15.30%	89.21%	18.78%
GDNN (tỷ VND)	-842.00	54.02	-28.34

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VPB	223.88	BID	-216.05
GEX	132.59	SSI	-204.54
CII	124.43	HPG	-150.27
DCM	123.74	FPT	-134.25
PDR	82.22	VCB	-105.94

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

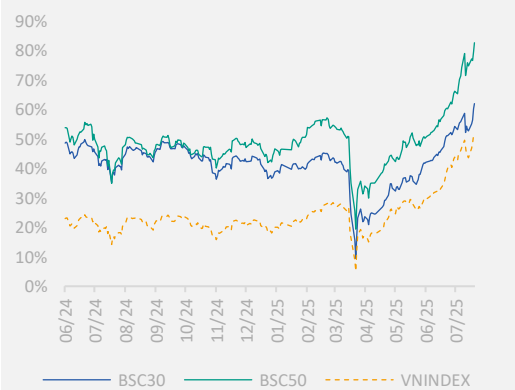
		%D	%W
SPX	6,340	-0.08%	0.01%
FTSE100	9,095	-0.07%	0.29%
Eurostoxx	5,332	0.00%	3.03%
Shanghai	3,635	-0.12%	2.11%
Nikkei	41,820	1.85%	2.56%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	66.65	0.37%
Giá vàng	3,396	-2.80%
Tỷ giá		
USD/VND	26,400	0.00%
EUR/VND	31,349	0.01%
JPY/VND	182	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.5%	-0.03%
LS LNH 1M	4.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



Mở tài khoản tại BSC

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	117.00	1.74%	1.84	3.88
VPB	29.55	2.07%	1.13	7.93
GEE	124.60	6.95%	0.74	0.37
GEX	60.30	4.87%	0.62	0.90
GAS	70.20	1.59%	0.61	2.34

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	37.70	8.96%	1.08	0.48
CEO	25.60	7.56%	0.70	0.54
BAB	14.20	2.16%	0.20	0.96
VCS	51.80	2.98%	0.17	0.16
PVI	63.70	0.79%	0.08	0.23

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SVI	61.20	6.99%	0.01	0.00
NVT	9.20	6.98%	0.01	0.02
PVD	23.00	6.98%	0.21	31.37
DPM	28.40	6.97%	3.81	3.23
BIC	47.60	6.97%	0.09	0.61

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PJC	29.80	9.96%	0.08	0.00
BKC	33.60	9.80%	0.30	0.07
PTD	7.90	9.72%	0.01	0.00
PVS	37.70	8.96%	6.19	27.25
TKU	14.70	8.89%	0.23	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BID	39.70	-1.85%	-1.20	7.02
TCB	37.85	-1.43%	-0.89	7.09
HPG	28.00	-1.75%	-0.88	7.68
VJC	121.50	-4.86%	-0.75	0.54
GVR	30.60	-1.61%	-0.46	4.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SHS	23.40	-2.90%	-0.41	0.89
NVB	16.80	-2.33%	-0.31	1.17
MBS	36.10	-1.90%	-0.26	0.57
DTK	12.10	-3.97%	-0.22	0.68
KSF	67.00	-1.47%	-0.20	0.30

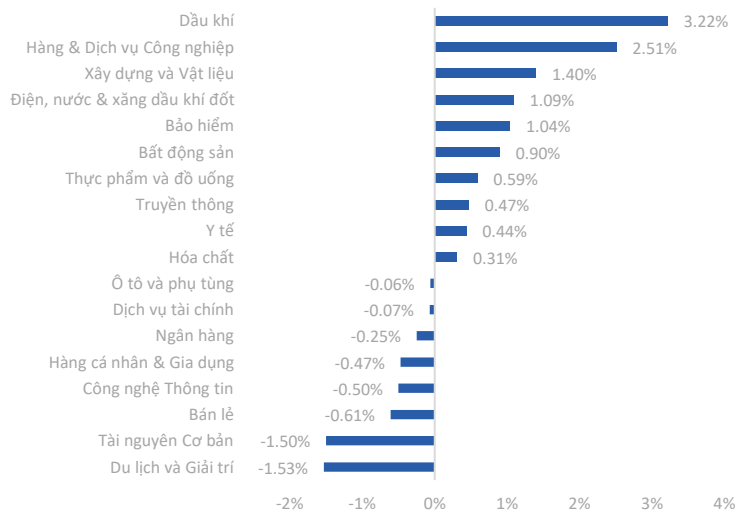
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MDG	13.45	-6.92%	0.00	0.00
CLW	51.70	-6.85%	-0.01	0.01
FUEIP100	10.42	-5.27%	0.00	0.00
VSI	21.00	-5.19%	0.00	0.03
VJC	121.50	-4.86%	-0.80	2.18

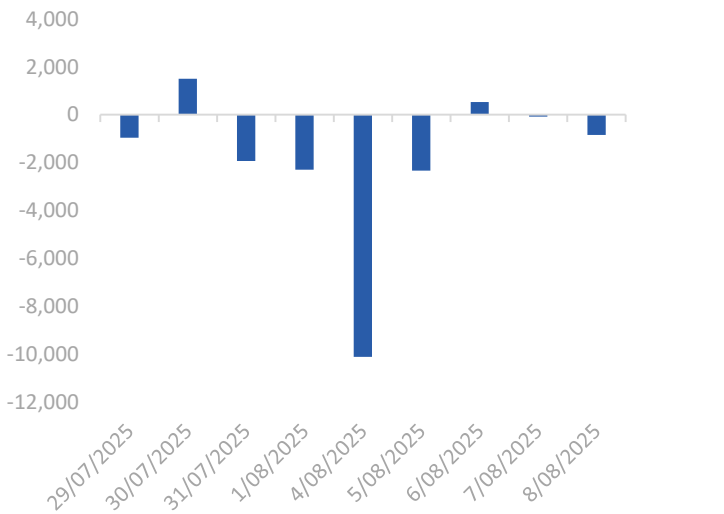
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PIA	29.60	-9.76%	-0.04	0.00
VE3	8.00	-9.09%	0.00	0.00
QST	26.10	-9.06%	-0.03	0.00
ECI	17.40	-8.90%	-0.01	0.00
KST	12.50	-7.41%	-0.02	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	72.0	-0.6%	1.5	107,040	874.4	3,304	21.9	84,700	48.9%	Link
KBC	Bất động sản	33.3	-2.1%	1.4	31,973	252.7	1,831	18.6		14.9%	
KDH	Bất động sản	31.7	6.0%	1.2	33,554	335.7	717	41.7		33.0%	
PDR	Bất động sản	21.3	6.8%	1.5	19,547	970.1	177	113.0	23,600	9.4%	Link
VHM	Bất động sản	94.8	-0.2%	1.2	390,204	329.5	6,995	13.6	81,300	10.4%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	105.6	-0.6%	1.0	180,912	1055.4	5,092	20.9	136,500	39.6%	Link
BSR	Dầu khí	22.5	2.7%	0.0	67,901	551.4	(16)	(1,368)		0.3%	
PVS	Dầu khí	37.7	9.0%	1.3	16,538	990.4	2,649	13.1	38,600	11.8%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	27.9	-1.1%	1.5	30,455	621.5	1,153	24.5		38.6%	
SSI	Dịch vụ tài chính	35.5	1.0%	1.4	69,311	3434.9	1,577	22.3		40.5%	
VCI	Dịch vụ tài chính	45.5	-2.2%	1.2	33,601	847.4	1,370	34.0		28.8%	
DCM	Hóa chất	41.5	4.0%	1.3	21,123	441.9	3,221	12.4	47,300	5.7%	Link
DGC	Hóa chất	107.5	1.1%	1.4	40,370	462.4	8,205	13.0	109,300	14.6%	Link
ACB	Ngân hàng	24.3	-0.6%	0.9	125,334	387.2	3,305	7.4	30,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	39.7	-1.9%	1.0	284,014	670.6	3,683	11.0	47,000	17.5%	Link
CTG	Ngân hàng	47.7	-0.3%	1.0	256,954	592.4	5,608	8.5	50,000	26.9%	Link
HDB	Ngân hàng	28.1	-1.6%	1.0	99,609	721.6	4,094	7.0	26,400	17.5%	Link
MBB	Ngân hàng	30.6	-0.7%	1.0	187,645	826.3	4,021	7.7	28,200	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	15.4	0.3%	1.1	39,910	429.0	1,961	7.8	14,000	28.6%	Link
STB	Ngân hàng	54.0	-1.1%	1.0	102,933	904.8	6,148	8.9		20.2%	
TCB	Ngân hàng	37.9	-1.4%	1.2	271,290	1176.3	3,019	12.7	39,800	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	19.4	-0.5%	1.3	51,386	853.5	2,423	8.0	-	24.7%	Link
VCB	Ngân hàng	61.9	0.3%	0.6	515,545	673.9	4,148	14.9	75,700	22.0%	Link
VIB	Ngân hàng	20.3	3.6%	0.9	66,548	524.6	2,219	8.8	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	29.6	2.1%	1.0	229,687	1419.4	2,193	13.2	26,500	25.7%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	28.0	-1.8%	1.2	218,751	3390.7	1,750	16.3	35,800	22.3%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	19.5	-0.5%	1.3	12,171	266.6	751	26.1	16,800	9.6%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	31.0	2.3%	1.4	11,642	393.4	4,124	7.3	32,200	5.8%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	76.7	0.7%	1.2	110,179	899.6	1,862	40.9	82,500	25.4%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	60.8	-0.2%	0.5	127,278	409.6	4,101	14.9	64,500	49.0%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	45.8	-1.40%	1.5	10,180	257.1	2,216	21.0	26.5%	16.2%	Link
FRT	Bán lẻ	151.5	-0.33%	1.1	25,886	152.9	3,163	48.1	33.2%	24.9%	Link
BVH	Bảo hiểm	52.0	0.00%	1.1	38,601	37.2	3,311	15.7	27.1%	10.6%	
DIG	Bất động sản	22.8	3.40%	1.4	14,254	1016.5	183	120.3	4.7%	1.5%	
DXG	Bất động sản	21.4	3.88%	1.5	20,989	836.5	353	58.4	25.8%	2.8%	Link
HDC	Bất động sản	36.1	0.70%	1.2	6,394	377.7	482	74.4	6.3%	3.8%	
HDG	Bất động sản	28.0	0.54%	1.4	10,303	220.4	522	53.3	17.0%	3.1%	Link
IDC	Bất động sản	45.9	-0.86%	1.3	15,279	163.6	4,574	10.1	17.9%	27.3%	
NLG	Bất động sản	42.4	1.07%	1.4	16,154	158.3	1,709	24.6	49.1%	6.9%	Link
SIP	Bất động sản	65.7	-1.05%	1.1	16,076	43.1	5,315	12.5	4.1%	28.6%	
SZC	Bất động sản	37.1	-1.20%	1.1	6,749	87.5	1,978	19.0	2.4%	11.4%	Link
TCH	Bất động sản	24.8	2.69%	1.5	16,137	356.3	1,125	21.5	12.0%	8.0%	Link
VIC	Bất động sản	117.0	1.74%	1.4	439,721	373.9	3,580	32.1	3.9%	9.9%	
VRE	Bất động sản	30.0	-1.64%	1.1	69,306	244.9	1,937	15.7	18.5%	10.4%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	40.9	0.49%	1.1	8,600	84.9	1,701	23.9	36.6%	12.5%	Link
PLX	Dầu khí	38.2	2.96%	0.9	47,139	241.3	1,596	23.2	16.5%	7.9%	Link
PVD	Dầu khí	23.0	6.98%	1.1	11,951	704.5	1,428	15.1	3.8%	5.0%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	41.8	-2.34%	1.5	14,830	318.6	1,348	31.8	26.4%	10.9%	
MBS	Dịch vụ tài chính	36.1	-1.90%	1.6	21,078	404.6	1,554	23.7	6.2%	12.1%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	70.2	1.59%	0.9	161,879	154.9	5,152	13.4	1.9%	19.4%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	15.2	1.68%	1.0	34,894	362.2	624	23.9	3.1%	4.5%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	68.0	1.64%	1.0	36,237	132.4	4,418	15.1	49.0%	12.6%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	121.5	-4.86%	0.6	75,549	270.0	3,427	37.3	7.9%	9.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	60.3	4.87%	1.4	51,888	800.5	1,745	33.0	7.9%	11.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	59.0	-1.67%	0.9	25,212	233.4	3,765	15.9	39.4%	12.0%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	58.2	-0.85%	1.0	9,912	233.9	5,700	10.3	5.9%	30.7%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	19.0	4.12%	1.2	8,553	280.4	2,304	7.9	8.8%	13.9%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	118.0	1.03%	0.0	14,224	180.8	3,339	35.0	5.1%	25.4%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	85.8	-0.69%	1.0	29,195	101.1	6,129	14.1	49.0%	18.2%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	33.0	-1.20%	0.8	3,742	75.6	2,693	12.4	49.9%	13.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	21.5	-0.92%	1.3	2,660	41.5	2,844	7.6	17.0%	18.6%	Link
DPM	Hóa chất	28.4	6.97%	1.3	18,052	91.6	957	27.7	8.5%	5.8%	Link
GVR	Hóa chất	30.6	-1.61%	1.5	124,400	163.1	1,320	23.6	0.7%	9.8%	
EIB	Ngân hàng	26.7	-1.48%	1.1	50,480	502.6	1,783	15.2	5.3%	13.1%	Link
LPB	Ngân hàng	35.4	-1.12%	0.5	106,945	120.3	3,324	10.8	0.9%	23.3%	Link
NAB	Ngân hàng	15.6	0.97%	0.0	26,422	37.4	2,260	6.8	2.0%	19.6%	
OCB	Ngân hàng	13.0	3.24%	1.0	33,535	195.9	1,220	11.2	19.7%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	16.6	-1.48%	1.3	7,542	353.3	666	25.3	6.0%	3.6%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	27.4	-1.44%	1.6	7,402	195.6	1,871	14.9	3.1%	16.8%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.1	0.57%	0.7	10,595	244.0	1,921	18.2	3.8%	15.0%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	47.9	0.31%	1.1	61,178	48.0	3,185	15.0	58.9%	17.5%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	58.5	-1.85%	1.3	13,377	135.0	6,372	9.4	20.1%		Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	141.8	-0.07%	1.0	11,616	7.0	13,894	10.2	85.7%	39.8%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	82.6	-0.48%	1.4	8,419	80.3	4,512	18.4	47.8%	5.1%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	94.0	1.40%	1.2	10,604	161.4	4,928	18.8	7.4%	29.9%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	45.8	-2.24%	1.3	4,722	160.1	2,501	18.7	3.8%	12.8%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	13.7	-1.08%	1.4	6,889	241.0	1,077	12.9	10.8%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	26.4	0.96%	1.1	9,352	175.0	1,179	22.2	15.0%	7.6%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	26.4	-0.19%	1.3	17,067	270.2	1,241	21.3	9.2%	9.9%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	58.0	3.39%	1.4	25,152	179.5	3,343	16.8	5.9%	17.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_ Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_ Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
3	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_ Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_ Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_ Thương chiến 2.0	x		Click
8	Triển vọng VMTT 2025_ Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
9	BSC_ Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
10	BSC_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
22	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click
23	BSC_ Báo cáo ngành Q3.2024		x	Click
24	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2024		x	Click
25	BSC_ Báo cáo ngành Q1.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>